

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho Dự án “Đánh giá hiệu quả của vắc xin phế cầu cộng hợp 10 tuýp huyết thanh (PCV10) trong phòng ngừa bệnh phế cầu xâm lấn ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam” do GSK, Vương Quốc Bỉ tài trợ, với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người tiếp nhận báo giá: Lê Thị Kiều Oanh
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng - Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0393100100
- Địa chỉ email: oanhltk@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin báo giá được đăng tải thành công đến trước 17h00 ngày 11 tháng 06 năm 2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 11 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

5. Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo): Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG
VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ**

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày tháng năm 2025
của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ kit real-time PCR	- Sử dụng nồng độ 2X hoặc 5X để khuếch đại các mẫu DNA được chiết xuất từ các mẫu môi trường, mô thực vật hoặc mô động vật - Không chứa hợp chất carboxy-X-rhodamine (ROX) - Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng chứa MgCl ₂ , dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), AccuStart II Taq DNA polymerase, chất ổn định cho enzyme' - Quy cách đóng gói: 1.000 phản ứng/ kit	Kit	1
2	Đĩa giấy Optochin	- Mỗi đĩa chứa 5µg Optochin - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: 100 đĩa/hộp	Đĩa	100
3	Môi các loại	- Nồng độ tổng hợp: 100nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 10 ODs - Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch khử muối và được làm đông khô. - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (tối đa 50nu/primer)	Nu	2.300
4	Đầu dò 6A/6B/6C /6D -P	Trình tự: FAM-TGTTCTGCCC"T"GAGCAACTGGTCTTGTATC-BHQ1 - Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
5	Đầu dò 7C/7B1-P	Trình tự: HEX-AGTACGTTACATATAGGACTTATTCTTTTTTTGATTGT-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
6	Đầu dò 76C/7B2-P	Trình tự: FAM-TGTTCCGAATATTGGTCCAGCTCGAG-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
7	Đầu dò 13-P	Trình tự: FAM-AAGCAGCACTTCCAAGTCGTAATCTACC-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
8	Đầu dò 15B/15C-P	Trình tự: FAM-ACTTCAATTAATAAGCGGATGATTGTAGCGT-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
9	Đầu dò 35A-P	Trình tự: HEX-ACCAGAGTTAGACACTATCTTGTTTCC-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
10	Đầu dò 35B-P	Trình tự: HEX-ATTCCTTACGTAGAACTGTAAGGGAAGG-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
11	Đầu dò 35F/47F-P	Trình tự: FAM-TCCATTCAACTGGTCGTCCGAATAATCC-BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
12	Đầu dò đặc biệt 1-P	- Trình tự: FAM-TGCCAAAGCCAGCCAT-BHQ1 - Cầu nối hóa học: LNA - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
13	Đầu dò đặc biệt 3-P	Trình tự: HEX-TTGTAGACCGCCCCACAA"TCATTTTGT-BHQ1 - Cầu nối hóa học:"T"=BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
14	Đầu dò đặc biệt 5-P	Trình tự: FAM-TCTTCTTCTCA"TCGTTTCCGCATGCTTTT-BHQ1 - Cầu nối hóa học:"T"=BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
15	Đầu dò đặc biệt 6C/6D-P	Trình tự: ROX-CCACGCAATTTCGCCATC-BHQ2 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
16	Đầu dò đặc biệt 6B/6D-P	Trình tự: HEX- <HEX>A<pdC><pdU>G<pdU><pdC><pdU><pdC>A <pdU>GA<pdU>A A<pdU><pdU>A<pdU><pdU> <BHQ1>- BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
17	Đầu dò đặc biệt 6A/6B-P	Trình tự: CY5- AGAAAAGATAAATAGATTATCAAAACAATTTGCGCAGA-BHQ3 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
18	Đầu dò đặc biệt 7F/7A-P	Trình tự: ROX- ACACCACTATAGGCTGTTGAGACTAACGCACA-BHQ2 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
19	Đầu dò đặc biệt 9V/9A-P	Trình tự: HEX-ACACATTGACAACCGCT-BHQ1 - Cầu nối hóa học: LNA - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
20	Đầu dò đặc biệt	Trình tự: ROX-ATTCCAACCTTCTCCCAATTTCTGCCACGG-BHQ2	Ống	1

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
	11A/11D/ 11E-P	- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô		
21	Đầu dò đặc biệt 14-P	Trình tự: HEX-CGCCAAGTAACA"T"TTCCATTCCATT-BHQ1 - Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
22	Đầu dò đặc biệt 15A/15F-P	Trình tự: FAM-CCC <u>G</u> CAA <u>A</u> CT <u>C</u> T <u>G</u> TCCT-BHQ1 - Cầu nối hóa học: LNA - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
23	Đầu dò đặc biệt 18C/18F/18B/18A-P	Trình tự: CY5-AGGGAGTTGAATCAACCTATAATTTGCCCC-BHQ3 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
24	Đầu dò đặc biệt 19F-P	Trình tự: ROX- CGCA <u>C</u> T <u>G</u> TC <u>A</u> AT <u>T</u> CACCTTC-BHQ2 - Cầu nối hóa học: LNA - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
25	Đầu dò đặc biệt 23F-P	Trình tự: ROX-ATTGTGTCCA"T"AAACCCTTCGTCGTATTTCCAAAG-BHQ2 - Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1 - Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol - Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô	Ống	1
26	Đầu côn có lọc 10μL	- Có đầu lọc - Đã được xử lý vô trùng - Vật liệu: Polypropylene - Không nhiễm Dnase và Rnase - Để trong hộp có giá đỡ - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường - Quy cách đóng gói: 960 cái/ thùng	Thùng	1
27	Đầu côn có lọc 30μL	- Có đầu lọc - Đã được xử lý vô trùng - Vật liệu: Polypropylene - Không nhiễm Dnase và Rnase - Để trong hộp có giá đỡ - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường - Quy cách đóng gói: 960 cái/ thùng	Thùng	1
28	Đầu côn có lọc 100μL	- Có đầu lọc - Đã được xử lý vô trùng - Vật liệu: Polypropylene - Không nhiễm Dnase và Rnase - Để trong hộp có giá đỡ - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường - Quy cách đóng gói: 960 cái/ thùng	Thùng	1

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
29	Đầu côn có lọc 200µL	- Có đầu lọc - Đã được xử lý vô trùng - Vật liệu: Polypropylene - Không nhiễm Dnase và Rnase - Để trong hộp có giá đỡ - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường - Quy cách đóng gói: 960 cái/ thùng	Thùng	1
30	Đầu côn có lọc 1000µL	- Có đầu lọc - Đã được xử lý vô trùng - Vật liệu: Polypropylene - Không nhiễm Dnase và Rnase - Để trong hộp có giá đỡ - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường - Quy cách đóng gói: 960 cái/ thùng	Thùng	1
31	Hộp nhựa bảo quản 100 vị trí	- Hộp 100 vị trí (10x10) - Chất liệu: Polycarbonate cứng, chịu được hóa chất - Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần - Tương thích với các loại ống microtube và ống cryo có dung tích 0.5ml hoặc 1.5ml hoặc 2.0ml - Hộp có lưới đánh số giúp nhận diện mẫu dễ dàng - Có lỗ thoát nước và lỗ thông khí để giảm thiểu sự ngưng tụ hơi nước - Chịu được nhiệt độ từ (-196°C) đến +121°C	Cái	20
32	Găng tay Nitrile size M	- Chất liệu: 100% nitrile - Size: M, chưa tiệt trùng - Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng - Màu: Trắng hoặc xanh - Quy cách đóng gói: 50 đôi/hộp	Hộp	20
33	Khẩu trang y tế 4 lớp	- Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn - Quy cách đóng gói: 50 cái/hộp	Hộp	10
34	Que cấy 10 µl	- Thể tích que cấy: 10µl - Chất liệu: Được làm từ Polystyrene dùng trong vi sinh. Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CE hoặc FDA - Quy cách đóng gói: 1.000 que/thùng	Thùng	1
35	Que cấy 1 µl	- Thể tích que cấy: 1µl - Chất liệu: Được làm từ Polystyrene dùng trong vi sinh. Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CE hoặc FDA - Quy cách đóng gói: 1.000 que/thùng	Thùng	1
36	Bộ dây 8 ống và dây 8 nắp			

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
36.1	Dây 8 giếng 0,1 ml cho Realtime PCR (tube)	- Ống PCR 0.2 ml, dây strip gồm 8 ống, nắp phẳng màu trong, tương thích với nhiều máy PCR. - Thể tích từ: 5–125 µl (tối đa 200 µl) - Ống PCR được sản xuất từ nhựa polypropylene nguyên chất. - Chiều cao tổng thể thấp (15,48 mm) làm giảm sự ngưng tụ - Lý tưởng cho PCR nhanh, phản ứng khối lượng thấp và hệ thống real-time PCR - Không chứa DNase, Rnase và DNA người - Đạt chứng nhận ISO13485 hoặc ISO9001 hoặc CE - Đóng gói: 125 strip/ hộp	Hộp	2
36.2	Nắp 8 giếng dùng cho Realtime PCR	- Dây gồm 8 nắp quang học - Chất liệu: nhựa polypropylene - Vô trùng, không chứa Rnase/Dnase - Chịu được nhiệt độ từ -20 độ C đến 120 độ C - Sử dụng đồng bộ với "Dây ống phản ứng 0,1 ml gồm 8 giếng dùng cho Realtime PCR" - Quy cách đóng gói: 300 Cái/Hộp	Cái	300
37	Micropipette 1 kênh 0,5µl - 10µl	- Biên độ thể tích: 0,5µl đến 10µl - Pipet được làm từ chất liệu chịu nhiệt độ, kháng hóa chất, chịu được tia UV - Có hiển thị thể tích - Có thể hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời - Bước tăng thể tích 0,02µl - Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cái	1
38	Dung dịch TE buffer	- Thành phần: + 0,1M Tris-HCl (pH từ 7,6 đến 8,0) + 0,01 M EDTA - Dung dịch trong suốt. - Không chứa Dnase, Rnase	ml	300
39	Dung dịch Glycerol	- Dùng để bổ sung vào môi trường nuôi cấy. - Độ tinh khiết: $\geq 99,0\%$ - Áp suất hóa hơi: < 1 mmHg (20°C) - Quy cách đóng gói: 1 lít/chai	Chai	1
40	Môi trường Columbia agar có chứa Máu cừu	Môi trường dạng đĩa, thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l): - Pancreatic Digest of Casein 12,0 - Starch 1,0 - Peptic Digest of Animal Tissue 5,0 - Sodium Chloride 5,0 - Yeast Extract 3,0 - Beef Extract 3,0 - Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml - Agar 10,0 - 14,0	Đĩa	300

Phụ lục II

Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số

/PAS-VTTBYT ngày tháng năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT trong danh mục yêu cầu của Viện	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, nhãn hiệu, model, mã hàng	Hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Quy cách đóng gói (nếu có)	Đơn vị tính (ghi theo yêu cầu báo giá của Viện)	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá có VAT ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền có VAT ⁽¹¹⁾ (VND)	Mức thuế (ghi % thuế 5 hoặc 8 hoặc 10)
1		...											
2													
n		...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại khoản 5 Mục I của Yêu cầu báo giá], kể từ ngày tháng năm[ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I của Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

